

Bản án số: 05/2024/HS-ST

Ngày: 11/03/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông An Văn Khoái.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lan.

Bà Bùi Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 03 năm 2024, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 70/2023/HSST ngày 17 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2023 đối với:

1. Các bị cáo:

1.1. Nguyễn Văn T - sinh 1999 tại tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn D, xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương; Trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T1 và bà Hoàng Thị H; Vợ, con: Chưa.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/8/2023, đến ngày 23/8/2023 chuyển tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh H có mặt tại phiên tòa.

1.2. Nguyễn Thị D - sinh năm 1982 tại tỉnh Hải Dương; HKTT: Thôn Q, xã Đ, huyện K, TP Hải Phòng; Nơi ở hiện nay: Thôn V, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương; Trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn D1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H1; Có chồng là Ngô Văn S và 01 con sinh năm 2000.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 15/8/2023, đến ngày 24/8/2023 chuyển tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh H có mặt tại phiên tòa.

2. Người làm chứng:

+ Anh Lê Minh T2 - sinh năm 1991.

Địa chỉ: 83/5, C, Phường N TP H, tỉnh HD

+ Anh Đoàn Văn T3 - sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn K, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T và **Nguyễn Thị D** có quan hệ xã hội quen biết nhau, cả hai đều sử dụng ma túy đá. Do bản thân **D** là người sử dụng ma túy nên trước ngày 14/8/2023 **D** có đi đến **huyện T, tỉnh Hải Dương** (**D** không nhớ thời gian và địa điểm cụ thể) mua được của người phụ nữ không quen biết 04 túi ma túy đá với giá 600.000 đồng mục đích về sử dụng cho bản thân và bán lại kiếm lời. Sau khi mua được ma túy đá **D** cảm về nơi ở của mình tại **thôn V, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương** chia từ 04 túi ma túy mua được ra làm 05 túi ma túy đá nhỏ. Sau đó **D** bỏ ma túy ra sử dụng dần và bán kiếm lời nếu có người hỏi mua.

Biết **D** có sử dụng ma túy và bán ma túy đá nên khoảng hơn 20 giờ ngày 14/8/2023, do có nhu cầu sử dụng ma túy đá nên **Nguyễn Văn T** sử dụng điện thoại của **T** lắp sim số 0977812223 gọi cho **D** vào **số C** để hỏi mua 500.000đồng ma túy đá. **D** đồng ý và bảo **T** chuyển tiền cho **D** qua tài khoản **ngân hàng A** của **D** có số tài khoản 2119205103382. **T** đồng ý, sau đó **T** sử dụng ví điện tử Momo của **T** đăng ký bằng số điện thoại 0977812223 chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng của **D** số tiền 800.000đồng, trong đó tiền mua ma túy 500.000đồng ngày 14/8/2023 và trả nợ **D** 300.000đồng do **T** vay **D** để tiêu xài cá nhân trước đó. Sau khi nhận được tiền Tuyến chuyển qua tài khoản, **D** đã sử dụng hết số tiền trên vào mục đích cá nhân. Khoảng 22 giờ ngày 14/8/2023 **Nguyễn Văn T** rủ và điều khiển xe máy, màu sơn bạc, không lắp biển số (*xe của T*) chở anh **Đoàn Văn T3**- sinh năm 1996 ở **thôn K, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương** đến nơi ở của **Nguyễn Thị D** ở **thôn V, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương** để lấy ma túy. Quá trình đi mua ma túy **T** không nói cho anh **T3** biết. Khi đến gần nhà **D** thì **T** xuống xe đi bộ đến trước cổng nhà **D**, còn anh **T3** ngồi trên xe đứng đợi bên ngoài. **T** đi đến cổng nơi ở của **D** gọi **D** để lấy ma túy. Khi **D** giao ma túy cho **T** thì có anh **Nguyễn Văn M**- sinh năm 1983 ĐKKHKT: **xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh** đang ở trong nhà. Sau khi mua được ma túy, **T** cầm trong lòng bàn tay phải rồi chở anh **T3** đi về. Hồi 22 giờ 15 phút cùng ngày khi đi đến **đường T, xã Y, huyện G** thì bị lực lượng **Công an tỉnh H** phối hợp với **Công an xã Y** phát hiện bắt quả tang, thu giữ trong lòng bàn tay phải của **T** đang cất giấu 01 gói giấy nhỏ màu trắng, bên trong có 01 túi nilon màu trắng, kích thước khoảng (2x2) cm bên trong có chứa các hạt tinh thể rắn màu trắng (*niêm phong trong phong bì ký hiệu M1*). **T** khai nhận đây là ma túy đá **T** mua để sử dụng cho bản thân. Ngoài ra còn thu giữ: 01 điện thoại di động loại máy IPHONE 7 màu vàng có lắp sim số 0977812223 và 01 xe máy, màu sơn bạc, không lắp biển số. Quá trình bắt quả tang có anh **Lê Minh T2**- sinh năm 1991 trú tại: **số H C, phường N, thành phố H** và anh **Đoàn Văn T3**- sinh năm 1996 trú tại: **thôn K, xã Y, huyện G** là người làm chứng. Kết quả xét nghiệm, **T** dương tính với ma túy loại Methamphetamine, theo **T** trình bày ngày 13/8/2023 **T** có mua ma túy đá của một người không quen biết ở khu vực cánh đồng **thị trấn G, huyện G** sau đó một mình **T** sử dụng số ma túy đá mua được tại nhà ở của mình ở **thôn D, xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương**.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thị D ở thôn V, xã T, huyện G thu giữ: tại giường ngủ của D có 04 túi nilon đặc điểm tương đồng nhau, màu trắng, kích thước khoảng (2x2) cm bên trong bám dính chất tinh thể màu trắng (niêm phong trong phong bì ký hiệu M2), là những vỏ túi ma túy đá D sử dụng còn lại, D khai nhận số ma túy đá bám dính D sẽ gom lại và bán kiếm lời nếu có người hỏi mua. Ngoài ra D tự giao nộp 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung, vỏ màu đen có lắp sim số 0358214636. D trình bày đây là chiếc điện thoại và sim số D sử dụng để bán ma túy ngày 14/8/2023 với T. Kết quả xét nghiệm, D dương tính với ma túy loại Methamphetamine, theo D trình bày ngày 14/8/2023 D có sử dụng ma túy đá một mình tại nơi ở của mình.

Tại Kết luận giám định số 390/KL- KTHS ngày 17/8/2023 của Phòng K- Công an tỉnh H kết luận:

+ Chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng trong túi nilon màu trắng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu M1, ghi thu của Nguyễn Văn T, gửi đến giám định khối lượng là 0,201g (Không phải hai trăm linh một gam) là ma túy, loại Methamphetamine.

+ Chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng trong 04 (bốn) túi nilon màu trắng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu M2, ghi thu tại chỗ ở của Nguyễn Thị D, gửi đến giám định tổng khối lượng là 0,120g (Không phải một trăm hai mươi gam) là ma túy, loại Methamphetamine.

Tại bản Cáo trạng số: 69/CT-VKS ngày 15 tháng 11 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Nguyễn Văn T tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo Nguyễn Thị D tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 Bộ Luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương thực hành quyền công tố, trình bày luận tội giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị HĐXX:

- Về tội danh:

+ Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy"

+ Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội " Mua bán trái phép chất ma túy"

- Về hình phạt chính:

+ Áp dụng: Khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1; Điều 38, Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

+ Áp dụng: Khoản 1 Điều 251; Điểm s khoản 1; Điều 38, Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị D.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 14 tháng 18 tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 14/8/2023.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D từ 25 tháng đến 27 tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 15/8/2023.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự:

+ Tịch thu cho tiêu hủy: 0,245gam ma túy, loại Methamphetamine; 05 vỏ túi nilon màu trắng, 02 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật được hoàn lại sau giám định.

+ Tịch thu phát mại nộp vào Ngân sách Nhà Nước: 01 điện thoại di động loại máy IPHONE 7 màu vàng có lắp sim số 0977812223 của Nguyễn Văn T; 01 điện thoại nhãn hiệu samsung, vỏ màu đen có lắp sim số 0358214636 của Nguyễn Thị D; 01 xe máy, màu sơn bạc, không có biển kiểm soát.

+ Truy thu nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 500.000đ là tiền D có được do bán ma túy cho T mà có.

(Tình trạng vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện G và chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lộc)

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị D thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện G; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Hồi 22 giờ 15 phút ngày 14/8/2023, tại đường vào thôn T, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Văn T có hành vi cất giấu trong lòng bàn tay phải 01 gói ma túy loại Methamphetamine có khối lượng là 0,201 gam thì bị phát hiện bắt quả tang. Tuyên khai số ma túy mua được của Nguyễn Thị D với giá tiền 500.000 đồng và cất giấu để sử dụng cho bản thân. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của D ở thôn V, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương, Cơ quan điều tra thu giữ 04 gói ma túy loại Methamphetamine có tổng khối lượng 0,120 gam. D khai đã bán ma túy cho T, mục đích cất giấu số ma túy để bán lại kiếm lời. Tổng khối lượng ma

túy loại **Methamphetamine D2** đã bán và cất giấu để bán là: 0,201 gam + 0,120 gam = 0,321 gam.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, đến sức khỏe và sự phát triển giống nòi của dân tộc. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo **T** biết được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng là trái pháp luật. Bị cáo **Nguyễn Thị D** biết được việc tàng trữ trái phép chất ma túy mục đích bán lại kiếm lời là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo đều cố ý thực hiện hành vi vi phạm. Số lượng ma túy bị cáo **T** tàng trữ là 0,201 gam Methamphetamine; Số lượng ma túy bị cáo **D** bán là 0,321gam Methamphetamine. Do vậy hành vi của bị cáo **Nguyễn Văn T** đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo **Nguyễn Thị D** đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Khi xem xét, quyết định hình phạt, HĐXX thấy:

Về tình tiết tăng nặng giảm trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo phạm tội nghiêm trọng. các bị cáo biết ma túy Methamphetamine là chất ma túy rất độc hại, Nhà nước đã cấm lưu hành và sử dụng trái phép, việc bị cáo tàng trữ để sử dụng, bán cho người khác sử dụng ma túy gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của của người sử dụng, làm mất khả năng lao động, học tập, thần kinh bị tổn hại, thoái hóa nhân cách, rối loạn hành vi; Tiêu hao tài sản, tổn thất về tinh thần cho các thành viên trong gia đình và gây mất trật tự, an toàn xã hội, là nguyên nhân gia tăng các tệ nạn xã hội và tiềm ẩn nguy cơ gây nhiều hậu quả khác.

Do vậy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc là phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung, phù hợp quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập ổn định, là người nghiện ma túy nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 0,245gam ma túy, loại Methamphetamine; 05 vỏ túi nilon màu trắng, 02 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật được hoàn lại sau giám định là vật chứng vụ án, cấm lưu hành, sử dụng và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động loại máy IPHONE 7 màu vàng có lắp sim số 0977812223 của **Nguyễn Văn T**; 01 điện thoại nhãn hiệu samsung, vỏ màu

đen có lắp sim số 0358214636 của Nguyễn Thị D các bị cáo sử dụng là công cụ, phương tiện, liên lạc để phạm tội nên cần tịch thu phát mại nộp vào Ngân sách Nhà Nước.

- Đối với 01 xe máy, màu sơn bạc, không có biển kiểm soát, bị cáo T mua của người không biết tên, tuổi địa chỉ tại phiên tòa bị cáo tự nguyện không lấy lại xe và đề nghị phát mại nộp vào Ngân sách Nhà Nước nên cần chấp nhận.

- Đối với số tiền 500.000đ là tiền D có được do bán ma túy cho T mà có cần truy thu và nộp vào ngân sách Nhà nước.

[6] Các vấn đề khác:

Về nguồn gốc ma túy, bị can Nguyễn Thị D khai mua của một người phụ nữ không quen biết tại khu vực huyện T, tỉnh Hải Dương, quá trình điều tra không xác định được người này là ai, ở đâu nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Nguyễn Văn M là người sống cùng nhà ở với D ở thôn V, xã T. Tuy nhiên anh M không biết ngày 14/8/2023 D đã bán ma túy cho T, không biết việc D cất giấu ma túy trong nhà để bán nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với anh Đoàn Văn T3 là người đã đi cùng T đến nhà D vào ngày 14/8/2023, tuy nhiên anh T3 không biết T đến để mua ma túy nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị D, ngoài hành vi phạm tội, còn có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, ngày 01/11/2023 Công an huyện G ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 37/QĐ-XPHC, số 38/QĐ-XPHC đối với Tuyên, D là phù hợp.

[7] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ:

+ Áp dụng: Khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1; Điều 38, Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

+ Áp dụng: Khoản 1 Điều 251; Điểm s khoản 1; Điều 38, Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị D.

Các điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với cả hai bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị D.

2. Về tội danh:

+ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy"

+ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội " Mua bán trái phép chất ma túy"

3. Về hình phạt chính:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 14 (mười bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 14/8/2023.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị D** 25 (hai mươi năm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 15/8/2023.

4. Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu cho tiêu hủy: 01 phong bì dán kín niêm phong số 390/KL-KTHS của **Phòng K Công an tỉnh H** bên trong có chứa 0,245gam ma túy, loại Methamphetamine; 05 vỏ túi nilon màu trắng, 02 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật được hoàn lại sau giám định.

+ Tịch thu phát mại nộp vào Ngân sách Nhà Nước: 01 điện thoại di động loại máy IPHONE 7 màu vàng có lắp sim số 0977812223 của **Nguyễn Văn T**; 01 điện thoại nhãn hiệu samsung, vỏ màu đen có lắp sim số 0358214636 của **Nguyễn Thị D**; 01 xe máy, màu sơn bạc, không có biển kiểm soát.

+ Truy thu nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 500.000đ là tiền **D** có được do bán ma túy cho **T** mà có.

*(Tình trạng vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra **công an huyện G** và chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lộc ngày 21/11/2023)*

5. Về án phí: Các bị cáo **Nguyễn Văn T** và **Nguyễn Thị D** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lộc;
- CQCSĐT-Công an huyện Gia Lộc;
- CQTHAHS-Công an tỉnh Hải Dương;
- CQTHAHS huyện Gia Lộc;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ CA huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư Pháp tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam;
- Cơ sở giam giữ;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

An Văn Khoái